TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS-ST
Ngày: 08-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bằng;

- Ông Nguyễn Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-DS ngày 07/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST - DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH mua bán nợ G; trụ sở Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà PVL LT Tower, số 05 đường D1, phường LT, thành phố TĐ, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hữu Y, sinh năm 1996, địa chỉ: cầu Kênh 1, ấp M, xã V, thành phố X, tỉnh An Giang *(theo văn bản ủy quyền số 60/UQTA-GLX.22 ngày 19/5/2022 của Công ty TNHH mua bán nợ G và văn bản ủy quyền số 60/UQTT-DLO.2022 ngày 20/5/2022 của Công ty Luật TNHH MTV ĐL)*, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Đoàn Thị Thúy N, sinh năm 1972, địa chỉ: số 52, khóm C, phường CPA, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Công ty TNHH mua bán nợ G có ông Trần Hữu Y đại diện trình bày:

Ngày 25/01/2019, bà Đoàn Thị Thúy N có ký hợp đồng tín dụng số 20190129-0001927 với Công ty tài chính TNHH SBM(viết tắt là Công ty tài chính) vay số tiền 31.650.000 đồng; lãi suất 3,92%/tháng; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân theo hình thức vay tín chấp. Theo thỏa thuận bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền 50.165.134 đồng gồm gốc và lãi, trả liên tiếp trong vòng 24 tháng, trong đó 23 tháng đầu trả mỗi tháng 2.057.974 đồng, tháng cuối cùng trả 2.831.732 đồng, thời gian bắt đầu trả từ ngày 04/3/2019.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, bà N đã nhận đủ số tiền tiêu dùng cá nhân và có thanh toán cho Công ty tài chính được 4 lần, số tiền 6.225.000 đồng. Kể từ ngày 12/6/2019 đến khi nguyên đơn gửi đơn khởi kiện, thì bà N không thanh toán cho Công ty tài chính mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần.

Ngày 29/3/2021, khoản nợ của bà Đoàn Thị Thúy N đã được Công ty tài chính TNHH SBMchuyển nhượng cho Công ty TNHH mua bán nợ G theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-G-21-0003. Do đó Công ty TNHH mua bán nợ G yêu cầu bà N trả toàn bộ nợ gốc và lãi số tiền 43.940.134 đồng, gồm gốc số tiền 29.415.036 đồng; lãi số tiền 14.525.098 đồng. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bà N có trả thêm 7.500.000 đồng. Vì vậy, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.500.000 đồng, xác định yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 36.440.134 đồng.

Đối với bị đơn bà Đoàn Thị Thúy N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản cho bà N nhưng bà không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên thông qua người thân bà có gửi trả nguyên đơn số tiền 7.500.000 đồng.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà Đoàn Thị Thúy N thanh toán cho Công ty TNHH mua bán nợ G toàn bộ gốc và lãi số tiền 36.440.134 đồng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, thỏa thuận vay nợ giữa Công ty tài chính TNHH SBM với bà Đoàn Thị Thúy N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, xét thấy việc Công ty tài chính TNHH SBM có thỏa thuận chuyển giao khoản nợ của bà N sang Công ty TNHH mua bán nợ G là phù hợp quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Do trong thời gian thực hiện hợp đồng phía bên vay – bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay của Công ty TNHH mua bán nợ G nên việc Công ty TNHH mua bán nợ G khởi kiện yêu cầu bà N trả một lần số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 365, 463, 466, 468 BLDS 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Đoàn Thị Thúy N có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G 36.440.134 đồng.

Đối với việc nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với số tiền 7.500.000 đồng, căn cứ quy định tại Điều 244 BLTTDS 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là bà Đoàn Thị Thúy N có nơi cư trú tại thành phố X, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về xác lập hợp đồng vay tài sản

Xét văn bản đề nghị vay vốn khiêm Hợp đồng tín dụng số 20190129-0001927 ngày 25/01/2019 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] Về vốn và lãi vay

Căn cứ Văn bản đề nghị vay vốn khiêm Hợp đồng tín dụng số 20190129-0001927; Bảng kế hoạch trả nợ và Lịch sử thanh toán thì Công ty tài chính TNHH SBM cho bà N vay số tiền vay số tiền 31.650.000 đồng; lãi suất 3,92%/tháng; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, theo hình thức cho vay tín chấp. Theo thỏa thuận bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền 50.165.134 đồng gồm gốc và lãi; trả liên tiếp trong vòng 24 tháng, thời gian bắt đầu trả từ ngày 04/3/2019.

Qáu trình thực hiện hợp đồng bà N đã nhận đủ số tiền tiêu dùng cá nhân và có thanh toán cho Công ty tài chính được 4 lần, số tiền 6.225.000 đồng. Do bà N không trả nợ sau ngày 12/6/2019 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết bà N có trả cho nguyên đơn được nợ gốc 7.500.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà N đến làm việc và hòa giải, nghe xét xử, nhưng bà vẫn không đến làm việc, mặc dù qua xác minh vẫn còn cư trú tại địa phương, vì vậy Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bà N.

Đối với việc Công ty tài chính TNHH SBM chuyển giao khoản nợ của bà N sang Công ty TNHH mua bán nợ G là việc chuyển giao quyền yêu cầu phù hợp theo quy định tại Điều 365 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, Công ty mua bán nợ G yêu cầu bà N trả nợ số vốn và lãi còn lại theo Hợp đồng số tiền 36.440.134 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 xét chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với việc nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với số tiền 7.500.000 đồng, căn cứ quy định tại Điều 244 BLTTDS 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.099.000 đồng.

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.822.007 đồng.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 365, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH mua bán nợ G, buộc bà Đoàn Thị Thúy N có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền 36.440.134 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 7.500.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Công ty TNHH mua bán nợ G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 1.099.00 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002180 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc cho Công ty TNHH mua bán nợ G.

Bà Đoàn Thị Thúy N phải chịu 1.822.007 đồng (một triệu, tám trăm, hai mươi hai nghìn, không trăm lẻ bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Đoàn Thị Thúy N là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. X (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Trịnh Thị Ngọc Hà